TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị S và anh B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị TTX), sinh 1987, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh QVB, sinh 1977, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị TTX) trình bày:

Chị và anh QVB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 23/3/2003 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh QVB nghiện rượu, không chăm lo xây dựng gia đình có nhiều lần hành hạ vợ con. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị TTX) xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh QVB.

Về con chung: Có ba con là QTQ, sinh ngày 01/02/2005, QTT, sinh ngày 23/10/2010 và QMĐ, sinh ngày 22/8/2017. Nguyện vọng chị muốn được nuôi các con và tùy vào nguyện vọng các con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều tự chia nhau xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh QVB trình bày: Anh QVB xác nhận quan hệ hôn nhân với chị TTX). Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị TTX) trình bày là đúng. Nay anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có ba con là QTQ, sinh ngày 01/02/2005, QTT, sinh ngày 23/10/2010 và QMĐ, sinh ngày 22/8/2017. Nguyện vọng anh muốn được nuôi các con và tùy vào nguyện vọng của các con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều tự chia nhau xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án.

Có căn cứ để xử cho chị TTX) được ly hôn anh QVB.

Về con chung: Giao chị TTX) trực tiếp nuôi ba con là QTQ, sinh ngày 01/02/2005, QTT, sinh ngày 23/10/2010 và QMĐ, sinh ngày 22/8/2017. Anh QVB không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều tự chia nhau xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị TTX) chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh QVB sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh QVB đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng trực tiếp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh QVB.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTX) và anh QVB có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu,

mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị TTX) và anh QVB đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị TTX) yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị TTX) được ly hôn anh QVB.

[3] Về con chung: Căn cứ điều kiện hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con và theo nguyện vọng các con. Hiện công việc của chị chị TTX) thu nhập khoảng 7.000.000, đồng tháng, cần giao cho chị TTX) trực tiếp nuôi ba con là QTQ, sinh ngày 01/02/2005, QTT, sinh ngày 23/10/2010 và QMĐ, sinh ngày 22/8/2017 là đúng nguyện vọng của các cháu. Chị TTX) không yêu cầu anh QVB phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều tự chia nhau xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị TTX) chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị TTX) được ly hôn anh QVB.

2. Về con chung: Giao chị TTX) trực tiếp nuôi ba con là QTQ, sinh ngày 01/02/2005, QTT, sinh ngày 23/10/2010 và QMĐ, sinh ngày 22/8/2017. Anh QVB không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều tự chia nhau xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTX) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004034 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị TTX) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/01/2021. Anh QVB được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã PT, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn